

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 597/2023/DS-PT

Ngày: 04-12-2023

V/v tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Triều

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Diệp Thuý

Bà Trần Thị Kim Em

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hà Vy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Hà Thúy Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 và ngày 04 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2023/DS-ST ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 782/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Văn Đ, sinh năm 1968; (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Mai Thị N (L), sinh năm 1966; (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Văn P, sinh năm 1965; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Nguyễn Vĩnh T, sinh năm 1989; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn Mai Thị N (L).

- Kháng nghị: VKSND huyện T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

* *Nguyên đơn anh Trần Văn Đ trình bày:* Vào năm 2017, anh Trần Văn Đ, anh Nguyễn Văn P và anh Nguyễn Vĩnh T có hùn vốn mua sà lan để vận chuyển cát san lấp mặt bằng. Cả ba thống nhất cho anh Trần Văn Đ đại diện đứng tên chủ phương tiện sà lan và đưa vào thi công vận chuyển cát san lấp mặt bằng, mỗi người hùn 1/3 vốn.

Năm 2018, anh Trần Văn Đ và anh Nguyễn Văn P có nhận bơm cát cho chị Mai Thị N, tổng cộng 06 sà lan, mỗi tàu 19.500.000 đồng, tổng số tiền là 117.000.000 đồng. Nhưng đến nay chị Mai Thị N chưa trả số tiền trên.

Nay anh Trần Văn Đ yêu cầu chị Mai Thị N phải trả cho anh Trần Văn Đ, anh Nguyễn Văn P và anh Nguyễn Vĩnh T số tiền 117.000.000 đồng, anh không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* *Bị đơn chị Mai Thị N trình bày:* Vào năm 2018, anh Trần Văn Đ và anh Nguyễn Văn P có bơm cho chị 06 sà lan với số tiền 117.000.000 đồng. Sau khi bơm cát xong chị đã thanh toán tiền cho anh Trần Văn Đ xong. Nay chị không đồng ý theo yêu cầu của anh Trần Văn Đ.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- *Anh Nguyễn Văn P trình bày:* Vào năm 2017, anh Trần Văn Đ, anh Nguyễn Văn P và anh Nguyễn Vĩnh T có hùn vốn mua sà lan để vận chuyển cát san lấp mặt bằng và thống nhất cho anh Trần Văn Đ đại diện đứng tên chủ phương tiện sà lan mỗi người hùn 1/3 vốn. Năm 2018, anh Nguyễn Văn P và anh Trần Văn Đ có nhận lãnh bơm cát của chị Mai Thị N 03 chỗ tổng cộng 06 sà lan với số tiền 117.000.000 đồng. Nhưng khi bơm xong anh Trần Văn Đ lấy tiền trực tiếp đủ số tiền 6 sà lan là 117.000.000 đồng (anh Trần Văn Đ báo lại với anh Nguyễn Văn P), anh Nguyễn Văn P không có tham gia lấy tiền vì lúc này anh Nguyễn Văn P đang đi học lớp cao cấp chính trị tại Trường chính trị tỉnh Tiền Giang. Trường hợp Tòa án xác định chị Mai Thị N chưa thanh toán tiền cát cho anh Trần Văn Đ thì anh Nguyễn Văn P yêu cầu chị Mai Thị N phải trả cho anh Trần Văn Đ, anh Nguyễn Văn P và anh Nguyễn Vĩnh T số tiền 117.000.000 đồng chứ không phải trả cho một mình anh Trần Văn Đ.

- *Anh Nguyễn Vĩnh T trình bày:* Anh có hùn vốn kinh doanh như anh Đ và anh P trình bày. Quá trình vận chuyển cát san lấp mặt bằng cho chị Mai Thị N do anh Trần Văn Đ thực hiện. Chị Mai Thị N đã thanh toán tiền cát cho anh Trần Văn Đ chưa thì anh không biết. Trường hợp chị Mai Thị N chưa thanh toán tiền cát cho anh Trần Văn Đ thì anh Nguyễn Vĩnh T yêu cầu chị Mai Thị N phải trả cho anh Trần Văn Đ, anh Nguyễn Văn P và anh Nguyễn Vĩnh T số tiền 117.000.000 đồng, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại Bản án sơ thẩm số 64/2023/DS-ST ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 92, Điều 147, khoản 1 Điều

227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn Đ.

Buộc chị Mai Thị N phải có nghĩa vụ trả cho anh Trần Văn Đ, anh Nguyễn Văn P và anh Nguyễn Vĩnh T số tiền 117.000.000 đồng, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

- Ngày 17/7/2023, bị đơn Mai Thị N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của TAND huyện T, tỉnh Tiền Giang do chị Mai Thị N đã trả cho anh Đ số tiền 117.000.000 đồng. Yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Mai Thị N.

- Ngày 25/7/2023, VKSND huyện T có đơn kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm số 64/2023/DSST ngày 05/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện T. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Bị đơn Mai Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo là không chấp nhận trả cho anh Đ số tiền 117.000.000 đồng do chị Mai Thị N đã trả cho anh Đ số tiền 117.000.000 đồng. Yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị.

Nguyên đơn anh Trần Văn Đ không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Mai Thị N (L) và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Bản án sơ thẩm vi phạm các vấn đề sau:

Tổ tụng: Về phần nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 28 nhưng phần quyết định lại áp dụng khoản 3 Điều 26 là chưa phù hợp.

Về nội dung: Theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đương sự có quyền yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp giao nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp. Phía nguyên đơn anh Trần Văn Đ không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh chị N còn nợ 06 sà lan cát lấp với số tiền 117.000.000 đồng, tiền bơm cát san lấp mặt bằng cho chị N từ năm 2018, chỉ có lời khai của nguyên đơn. Trong khi đó người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn P t cho rằng sau khi bơm cát xong anh Đ lấy tiền trực tiếp đủ số tiền 06 sà lan cát là 117.000.000 đồng (anh Đ báo lại với anh Nguyễn Văn P), anh P không có tham gia lấy tiền vì lúc này anh P đang đi học Cao cấp chính trị, trong hồ sơ bản tự khai anh P phù hợp với lời khai chị N phù hợp với lẽ thông thường bơm cát xong trả tiền, nếu như chị N nói chưa trả từ năm 2018 cho đến nay hơn năm năm mà nguyên đơn mới khởi kiện yêu cầu trả tiền nợ bơm cát là không có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Đ thừa nhận sà lan cát do anh, anh P và anh T hùn tiền mua, số cát anh bơm cho chị N là tiền hùn của 03 người, hôm nay anh một mình đi kiện không có sự uỷ quyền của anh P và anh T. Cho thấy cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết và tuyên buộc chị N trả số tiền cho anh Đ anh P và anh T, trong khi đó anh T và anh P không đóng tiền tạm ứng án phí mà tòa cấp sơ thẩm buộc chị N trả cho anh T và anh P là vượt quá yêu cầu khởi kiện của các đương sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử huỷ án sơ thẩm do vi phạm tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thể hiện tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ kết quả tranh tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thời hạn kháng cáo của chị Mai Thị N, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang kháng nghị còn trong thời hạn luật định, đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Đòi tài sản” theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự là đúng quy định.

[3] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Trần văn Đ1, bị đơn chị Mai Thị N đều có mặt, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn P, anh Nguyễn Vĩnh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về nội dung kháng cáo: Chị Mai Thị N cho rằng chị đã trả cho anh Đ 117.000.000 đồng nên chị không chấp nhận trả.

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy lời thừa nhận của chị Mai Thị N cho rằng trong năm 2018 anh Trần Văn Đ và anh Nguyễn Văn P có bơm cát cho chị 06 xô lan cát với số tiền là 117.000.000 đồng, lời thừa nhận này phù hợp với lời khai của anh P (tại bút lục số 29) việc chị Mai Thị N cho rằng sau khi anh Đ bơm cát cho chị, chị đã trả tiền xong, anh Đ không thừa nhận lời trình bày của chị N nên không có cơ sở. Việc anh P cho rằng chị N đã trả tiền cho anh Đ xong, căn cứ vào bản án số 44/2022/DSST ngày 28/7/2022 anh P thừa nhận việc anh và anh Đ có bơm cát cho chị N, anh và anh Đ có mượn của chị N số tiền 100.000.000 đồng nhưng do anh và anh Đ không trả nên chị N khởi kiện ra Tòa án và Tòa án đã tuyên buộc anh và anh Đ phải trả cho chị N số tiền 100.000.000 đồng. Tại bản án số 44/2022/DSST anh Đ yêu cầu cản trừ số tiền 100.000.000 đồng vay của chị N vào tiền bơm cát anh P không thống nhất nên Tòa cấp sơ thẩm đã buộc anh Đ và anh phải trả cho chị N số tiền 100.000.000 đồng, nay anh lại cho rằng chị N đã trả cho anh Đ số tiền 117.000.000 đồng. Chị N cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh anh Đ nhận số tiền 117.000.000 đồng này và anh cũng không trực tiếp thấy chị N trả tiền cho anh Đ trả số tiền này cho nên lời trình chị và của anh P không có cơ sở chấp nhận. Do đó cấp sơ thẩm đã buộc chị Mai Thị N trả cho anh Đ số tiền 117.000.000 đồng là có cơ sở.

Việc anh cho rằng số tiền bơm cát này là hùn chung ba người, một mình anh Đ đi khởi kiện là không đúng đề nghị huỷ án sơ thẩm.

Hội đồng xét xử xét thấy theo hồ sơ khởi kiện của anh Đ, anh Đ đi kiện không có sự uỷ quyền của anh P và anh T, căn cứ hồ sơ cho thấy cấp sơ thẩm đã đưa anh P và anh T vào tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan để đảm bảo quyền lợi của các bên trong vụ án và tại quyết định của bản án sơ thẩm số 64/2023/DS-ST ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang đã tuyên “Buộc chị Mai Thị N phải có nghĩa vụ trả cho anh Trần Văn Đ, anh Nguyễn Văn P và anh Nguyễn Vĩnh T số tiền 117.000.000 đồng, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật” đã đảm bảo đầy đủ quyền lợi cho các bên.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật chị N trả cho anh Đ số tiền 117.000.000 đồng này. Nhưng anh Đ không giao lại phần tiền theo kỷ phần cho anh P và anh T thì anh P và anh T có quyền khởi kiện anh Đ tại một vụ kiện dân sự riêng. Do đó không cần thiết phải huỷ án sơ thẩm.

Từ những nhận định trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn Đ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về yêu cầu kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang cho rằng chị Mai Thị N trình bày là đã trả xong cho anh Đ và lời khai của anh P cũng phù hợp với lời khai chị N cho nên cấp sơ thẩm buộc trả là không có căn cứ, đồng thời theo lời khai của các bên số cát mà anh Đ bơm cát cho chị N là số tiền hùn chung của ba người, một mình anh Đ đi kiện là không đủ tư cách cấp sơ

thẩm thụ lý giải quyết là vi phạm về tố tụng. Về nội dung, buộc chị N trả tiền không đúng đề nghị huỷ án sơ thẩm. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang là cũng có cơ sở một phần. Tuy nhiên, việc vi phạm tố tụng này không lớn, phần quyết định đảm bảo đầy đủ quyền lợi của các đương sự do đó không cần thiết phải huỷ bản án sơ thẩm. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] *Về án phí*: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị N nên chị N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 308, Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 92, Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 166 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Mai Thị N. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 64/2023/DS-ST ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn Đ.

Buộc chị Mai Thị N phải có nghĩa vụ trả cho anh Trần Văn Đ, anh Nguyễn Văn P và anh Nguyễn Vĩnh T số tiền 117.000.000 đồng, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Chị Mai Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và 5.850.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, chị N đã đóng số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0020182 ngày 14/7/2023 của Chi cục thi hành án Tân Phước sau khi được cản trừ chị N còn phải thi hành tiếp số tiền án phí là 5.850.000 đồng.

H lại cho anh Trần Văn Đ số tiền 3.060.000 đồng tạm ứng án phí theo biên

lai thu số 0003440 ngày 01/3/2023 của Chi cục thi hành án huyện T, tỉnh Tiền Giang.

7. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 04/12/2023, có mặt chị N, anh P, anh Đ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đường sự;
- Lưu VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Triều

